PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp

Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Để bảo đảm quản lý, sử dụng thống nhất các biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn việc sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp."

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành các loại biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; quy định thẩm quyền in, phát hành, đối tượng sử dụng và cách sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

Điều 2. Đối tượng sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp

1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

4. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Tư pháp).

5. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

Điều 3. Ban hành biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp[2]

1. Ban hành 08 loại biểu mẫu và 04 mẫu sổ lý lịch tư pháp kèm theo Thông tư này (Phụ lục số 02).

2. Kích cỡ của 08 loại biểu mẫu và 04 mẫu sổ lý lịch tư pháp được thống nhất sử dụng khổ giấy A4 (210 mm x 297mm).

3. Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp được sử dụng và lưu trữ tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử. Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như hệ thống biểu mẫu, mẫu sổ lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy.

4. Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp điện tử phải phù hợp với nội dung, hình thức của các biểu mẫu, mẫu sổ ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hệ thống biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm được kết xuất, in ấn thuận tiện trong quá trình sử dụng và lưu trữ thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Điều 4. Thẩm quyền in, phát hành biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp

1. Bộ Tư pháp in và phát hành 02 loại giấy in màu có hoa văn để Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp (sau đây gọi là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp) in nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2.[3] Các biểu mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dành cho cá nhân và văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dành cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn). Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để tải về và sử dụng miễn phí các loại biểu mẫu nói trên khi làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức đến làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp để sử dụng miễn phí 02 loại Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và 02 văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

3.[4] Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tổ chức sử dụng 08 loại biểu mẫu và 04 loại sổ lý lịch tư pháp ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Lập mã số Lý lịch tư pháp và mã số bản án[5]

1. Nguyên tắc lập mã số Lý lịch tư pháp:

a) Mã số Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở Bảng mã Lý lịch tư pháp của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ban hành kèm theo Thông tư này (Phụ lục số 01);

b) Trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp mỗi người chỉ có duy nhất một mã số Lý lịch tư pháp;

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

c) Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sử dụng chính mã số Lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp lập để lưu trữ và quản lý Lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

2. Cách lập mã số Lý lịch tư pháp:

a) Mã số Lý lịch tư pháp bao gồm: mã Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp, năm lập Lý lịch tư pháp, số thứ tự lập Lý lịch tư pháp;

b) Mã Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp được quy định trong Bảng mã Lý lịch tư pháp của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

c) Số thứ tự lập Lý lịch tư pháp gồm 05 chữ số, bắt đầu từ số 00001. Số thứ tự này sẽ quay vòng theo từng năm (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). Sau một năm, số thứ tự sẽ trở về 00001.

Ví dụ: Mã số Lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A được lập: 25HN2013/00001, trong đó:

- "25HN" là mã Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

- "2013" là năm lập Lý lịch tư pháp cho Nguyễn Văn A;

- "00001" là số thứ tự lập Lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A.

3. Cách lập mã số bản án:

Mã số bản án được lập theo mã số Lý lịch tư pháp và thêm thứ tự cập nhật bản án.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có mã số Lý lịch tư pháp là 25HN2013/00001, bản án đầu tiên được cập nhật trong Lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A có mã số là 25HN2013/00001/01, tương tự bản án tiếp theo nếu được cập nhật có mã số là 25HN2013/00001/02.

Đối với Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án hình sự phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Thông tư số 06/2013/TT-BTP) thì mã số bản án được lập như sau:

Trường hợp Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì mã số bản án xét xử phúc thẩm cập nhật trong Lý lịch tư pháp sử dụng theo mã số của bản án xét xử sơ thẩm, thêm ký hiệu PT.

Trường hợp Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án phúc thẩm theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2013/TT-BTP thì mã số của bản án xét xử sơ thẩm cập nhật trong Lý lịch tư pháp được sử dụng theo mã số của bản án xét xử phúc thẩm, thêm ký hiệu ST.

Điều 5a. Xử lý thông tin lý lịch tư pháp của người đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[6]

1. Trường hợp nhận được Lý lịch tư pháp của người đã có Lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi người đó từng cư trú lập thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nhiệm vụ sau đây:

a) Đối với hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện hợp nhất các hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy của người đó vào hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy của Sở Tư pháp nơi người đó đang cư trú;

b) Đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện ghi chú và kết nối các bản Lý lịch tư pháp điện tử của người đó trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;

Đối với bản Lý lịch tư pháp điện tử do Sở Tư pháp nơi người đó đang cư trú lập thì ghi chú: "*Từng cư trú tại..., đã có Lý lịch tư pháp, mã số Lý lịch tư pháp...";* đối với bản Lý lịch tư pháp điện tử do Sở Tư pháp nơi người đó từng cư trú lập thì ghi chú: "*Đang cư trú tại..., đã có Lý lịch tư pháp, mã số Lý lịch tư pháp....".*

Ví dụ: Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia nhận được Lý lịch tư pháp có mã số 25HN2013/00001 của Sở Tư pháp nhưng người đó đã có Lý lịch tư pháp có mã số 31HM2011/00012 do từng cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành ghi chú vào Lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội lập nội dung sau: "*Từng cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh, đã có Lý lịch tư pháp mã số Lý lịch tư pháp: 31HM2011/00012"*; ghi chú vào Lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh lập như sau: "*Đang cư trú tại thành phố Hà Nội, đã có Lý lịch tư pháp mã số Lý lịch tư pháp: 25HN2013/00001".*

c) Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện thông báo cho Sở Tư pháp nơi người đó đang cư trú và Sở Tư pháp nơi người đó đã cư trú về việc người đó cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Sở Tư pháp nơi nhận được thông báo của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện ghi chú vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án về việc người đó đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

---

[6] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Điều 6. Cập nhật thông tin về cá nhân và thông tin chung về án tích trong Lý lịch tư pháp[7]

1. Thông tin về cá nhân trong Lý lịch tư pháp bao gồm:

a) Thông tin về nhân thân của người có Lý lịch tư pháp được cập nhật vào các mục tương ứng trong Lý lịch tư pháp của người đó;

b) Thông tin về thay đổi, cải chính hộ tịch, thông tin về chứng tử, thông tin về việc cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của người có Lý lịch tư pháp được cập nhật vào mục Ghi chú trong phần Thông tin về cá nhân.

2. Thông tin chung về án tích trong Lý lịch tư pháp là thông tin tóm tắt về các bản án được cập nhật trong Lý lịch tư pháp và ghi theo thứ tự thời gian cập nhật bản án đó.

a) Mã số bản án được cập nhật tại phần thông tin chung về án tích theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

b) Thời điểm được xóa án tích cập nhật trong các trường hợp nhận được quyết định xóa án tích của Tòa án, giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án hoặc có kết quả xác minh đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích;

c) Kết quả Giám đốc thẩm/Tái thẩm:

Trường hợp giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì ghi "Giữ nguyên bản án, quyết định";

Trường hợp hủy bỏ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì ghi "Hủy bản án, quyết định".

Điều 7. Cập nhật thông tin về án tích trong Lý lịch tư pháp[8]

1. Thông tin về án tích là nội dung của từng bản án đã được đánh mã số ở Phần II. "Thông tin chung về án tích". Mỗi bản án được cập nhật có 04 phần chính bao gồm:

a) Nội dung bản án;

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

b) Tình trạng thi hành án: cập nhật nội dung của các quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo (sau đây gọi chung là quyết định, giấy chứng nhận) liên quan đến quá trình thi hành bản án;

c) Giám đốc thẩm/Tái thẩm: cập nhật nội dung của 02 loại quyết định.

Trường hợp Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nhiều bản án, quyết định thì thông tin về bản án, quyết định bị hủy theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm được xử lý theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP;

d) Xóa án tích: cập nhật nội dung của quyết định xóa án tích, giấy chứng nhận xóa án tích và kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

2. Trường hợp người bị kết án có nhiều án tích thì cập nhật các án tích đó theo thứ tự thời gian nhận được thông tin lý lịch tư pháp.

3. Thông tin lý lịch tư pháp được cập nhật trong phần Tình trạng thi hành án bao gồm những thông tin sau:

a) Thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan cung cấp theo quy định tại Điều 15 Luật Lý lịch tư pháp, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được cập nhật vào các mục tương ứng trong phần Tình trạng thi hành án;

b) Trường hợp nhận được quyết định thi hành án phạt tù có thời hạn, án phạt tù cho hưởng án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt tử hình, án phạt chung thân, án phạt trục xuất; quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm; quyết định ủy thác thi hành án hình sự; quyết định đình chỉ việc thi hành án phạt tù thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin vào mục "Quyết định thi hành bản án hình sự" trong phần Tình trạng thi hành án.

Trường hợp nhận được quyết định ủy thác thi hành án dân sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin vào mục "Quyết định thi hành án phạt tiền, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác" trong phần Tình trạng thi hành án;

c) Trường hợp nhận được thông tin lý lịch tư pháp bổ sung khác trong quá trình thi hành án của người có Lý lịch tư pháp như quyết định tổng hợp hình phạt; quyết định thu hồi quyết định về thi hành án; thông báo về việc phạm nhân chết thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật thông tin đó vào mục "Quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo khác" trong phần Tình trạng thi hành án.

4. Cập nhật mục Xóa án tích:

a) Trường hợp nhận được Giấy chứng nhận xóa án tích, Quyết định xóa án tích thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật nội dung của giấy chứng nhận hoặc quyết định đó vào các mục tương ứng, mục nội dung chứng nhận hoặc quyết định ghi rõ "đã được xóa án tích kể từ ngày... tháng... năm....";

b) Trường hợp thực hiện xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật nội dung Kết quả xác minh trong mục Xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích như sau:

Nếu người bị kết án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Nghị định số 111/2010/NĐ-CP) thì ghi là "đã được xóa án tích".

Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì ghi là "có án tích".

Nếu người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì chưa cập nhật thông tin về đương nhiên được xóa án tích trong Lý lịch tư pháp của người đó mà chờ kết quả xét xử của Tòa án.

Điều 8. Ghi thông tin lý lịch tư pháp đối với trường hợp một người có nhiều bản án trong Lý lịch tư pháp

Trường hợp Lý lịch tư pháp của một người đã được lập mà sau đó bị kết án bằng bản án khác thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ghi mã số bản án đó vào Phần II. "Thông tin chung", cập nhật thông tin của bản án đó vào mục "Nội dung bản án". Mục "Tình trạng thi hành bản án" được cập nhật tương tự như cách ghi thông tin của bản án đầu tiên.

Điều 9. Ghi thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong Lý lịch tư pháp

Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được ghi theo thứ tự thời gian cập nhật thông tin. Nội dung thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã ghi theo quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Điều 10. Gửi thông tin sau khi lập Lý lịch tư pháp

1. Sau khi Lý lịch tư pháp được lập, Sở Tư pháp gửi một bản cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kèm theo Công văn. Trường hợp Sở Tư pháp gửi nhiều bản Lý lịch tư pháp thì gửi kèm theo danh sách Lý lịch tư pháp ghi rõ họ, tên, mã số Lý lịch tư pháp của người đó.

2. Trường hợp Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở bản án, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia một bản Lý lịch tư pháp có các nội

dung: Phần I. "Thông tin về cá nhân", Phần II. "Thông tin chung về án tích" và mục "Nội dung bản án" trong Phần III. "Thông tin về án tích".

3. Trường hợp Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia một bản Lý lịch tư pháp có các nội dung: Phần I. "Thông tin về cá nhân" và Phần IV. "Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã".

4.[9] Lý lịch tư pháp được cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia dưới dạng văn bản giấy hoặc dưới dạng dữ liệu điện tử.

Lý lịch tư pháp được cung cấp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm quy định về hình thức cung cấp tại khoản 2 Điều 8 và tiêu chuẩn của dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Lý lịch tư pháp được cung cấp dưới dạng văn bản giấy phải sử dụng giấy có chất lượng tốt, nội dung được in rõ ràng, được đóng dấu của Sở Tư pháp ở góc bên trái, phía trên, nơi ghi tên cơ quan lập Lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp có nhiều tờ phải được đóng dấu giáp lai.

Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi Lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc lập Lý lịch tư pháp.

Điều 11. Gửi thông tin lý lịch tư pháp bổ sung[10]

1. Trường hợp Lý lịch tư pháp được cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, khoản 1 Điều 30, Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp và Điều 13 Thông tư số 06/2013/TT-BTP, căn cứ vào nội dung thông tin được cập nhật trong Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Sở Tư pháp thực hiện lập Lý lịch tư pháp và đồng thời cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Lý lịch tư pháp đã lập thì Sở Tư pháp gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia bản Lý lịch tư pháp được lập đã có các thông

---

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật, không gửi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp nhận được các quyết định, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và Điều 19 của Luật Lý lịch tư pháp thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi bản sao của các quyết định, giấy chứng nhận này cho Sở Tư pháp nơi người bị kết án cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Lý lịch tư pháp.

4. Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền có thẩm quyền ký Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

5. Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cung cấp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cung cấp dưới dạng dữ liệu điện tử phải bảo đảm quy định về hình thức cung cấp tại khoản 2 Điều 8 và tiêu chuẩn của dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

Điều 12. Ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong trường hợp cập nhật bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo

1. Trường hợp cập nhật đối với những bản án tiếp theo quy định tại Điều 29 của Luật Lý lịch tư pháp, căn cứ vào Lý lịch tư pháp đã được cập nhật, Sở Tư pháp ghi các thông tin về bản án đó vào Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung bao gồm các nội dung tại mục "Nội dung bản án" trong Phần III "Thông tin về án tích" trong Lý lịch tư pháp và gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

2. Trường hợp cập nhật đối với quyết định tuyên bố phá sản tiếp theo, căn cứ vào Lý lịch tư pháp đã được cập nhật, Sở Tư pháp ghi các thông tin về quyết định tuyên bố phá sản đó vào Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung bao gồm các nội dung trong Phần IV "Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã" trong Lý lịch tư pháp và gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

Điều 13. Ghi Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung trong trường hợp cập nhật các quyết định, giấy chứng nhận liên quan đến tình trạng thi hành án[11]

1. Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung phải ghi rõ các thông tin về quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật bổ sung trong Lý lịch tư pháp, bao gồm: loại thông tin là tên quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật trong Lý lịch

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

tư pháp; số văn bản; ngày tháng năm ra văn bản, cơ quan ban hành văn bản và nội dung của văn bản.

Ví dụ:

Loại thông tin: Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù	
Số văn bản	01/2011/QĐ-CA
Ngày tháng năm ra văn bản	10/01/2011
Cơ quan ban hành văn bản	Tòa án nhân dân...
Nội dung của văn bản	Thời gian được hoãn: 03 tháng; Ngày quyết định có hiệu lực: 10/01/2011; Cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý: UBND xã...
Ghi chú	

2. Mục nội dung của văn bản được cập nhật trong Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung, cụ thể như sau:

a) Trường hợp cập nhật quyết định thi hành án phạt tù có thời hạn, án phạt tù cho hưởng án treo, án phạt tù chung thân, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt tử hình, án phạt trục xuất thì ghi rõ: hình phạt chính phải thi hành, hình phạt bổ sung (nếu có), thời điểm chấp hành án phạt chính.

Trường hợp cập nhật quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì ghi rõ: ngày tháng năm đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp cập nhật quyết định ủy thác thi hành án hình sự thì ghi rõ: cơ quan được ủy thác thi hành án, án phạt được ủy thác thi hành án, ngày tháng năm ủy thác thi hành án.

Trường hợp cập nhật quyết định đình chỉ việc thi hành án phạt tù thì ghi rõ: án phạt được đình chỉ, ngày tháng năm đình chỉ thi hành án phạt tù;

b) Trường hợp cập nhật quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, quyết định miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, quyết định miễn chấp hành án phạt quản chế thì ghi rõ: án phạt được miễn chấp hành, ngày tháng năm được miễn, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

c) Trường hợp cập nhật quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì ghi rõ: thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực, cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý;

d) Trường hợp cập nhật quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thì ghi rõ: hình phạt

được giảm thời hạn chấp hành, thời gian được giảm, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

đ) Trường hợp cập nhật quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo thì ghi rõ: thời gian được rút ngắn, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

e) Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ/thời gian thử thách án treo thì ghi rõ: án phạt chấp hành xong, về nơi cư trú, hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành, ngày tháng năm chấp hành xong án phạt.

Trường hợp cập nhật văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trục xuất thì ghi rõ: kết quả thi hành án phạt trục xuất, ngày tháng năm thi hành án phạt trục xuất;

g) Trường hợp cập nhật quyết định tiếp nhận chuyển giao, quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao/Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ thì ghi rõ: nội dung quyết định hoặc thông báo, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

h) Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì ghi rõ: án phạt chấp hành xong, ngày tháng năm chấp hành xong án phạt;

i) Trường hợp cập nhật quyết định ân giảm án phạt tử hình thì ghi rõ: nội dung ân giảm, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

k) Trường hợp cập nhật quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác thì ghi rõ: các khoản phải thi hành, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực.

Trường hợp cập nhật quyết định ủy thác thi hành án dân sự thì ghi rõ: cơ quan được ủy thác thi hành án, án phạt được ủy thác thi hành án, ngày tháng năm ủy thác thi hành án;

l) Trường hợp cập nhật quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước, quyết định đình chỉ thi hành án dân sự ghi rõ: án phạt được miễn, giảm hoặc đình chỉ, ngày tháng năm quyết định có hiệu lực;

m) Trường hợp cập nhật giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự thì ghi rõ: nội dung xác nhận (toàn bộ, một phần); nghĩa vụ dân sự còn phải thi hành (nếu có);

n) Trường hợp cập nhật văn bản xác nhận đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì ghi rõ: nội dung xác nhận, ngày tháng năm chấp hành xong án phạt;

o) Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đặc xá thì ghi rõ: ngày được đặc xá tha tù trước thời hạn, nơi cư trú sau khi được đặc xá, hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành (nếu có).

Trường hợp cập nhật giấy chứng nhận đại xá thì ghi rõ: số giấy chứng nhận, ngày tháng năm ra văn bản, cơ quan cấp giấy chứng nhận, số quyết định đại xá, ngày tháng năm được đại xá tha tù, nơi cư trú sau khi được đại xá;

p) Trường hợp cập nhật quyết định, giấy chứng nhận khác thì ghi rõ: nội dung của quyết định, giấy chứng nhận đó theo nội dung được cập nhật trong Lý lịch tư pháp, ngày tháng năm văn bản có hiệu lực;

q) Trường hợp cập nhật quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, giấy chứng nhận xóa án tích, quyết định xóa án tích thì ghi rõ: số văn bản, ngày tháng năm ra văn bản, Tòa án ra quyết định hoặc Tòa án cấp giấy chứng nhận, nội dung quyết định hoặc nội dung chứng nhận, ngày tháng năm văn bản có hiệu lực;

r) Trường hợp cập nhật kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì ghi rõ: ngày tháng năm xác minh, nơi thực hiện việc xác minh, kết quả xác minh.

Điều 13a. Gửi thông tin bổ sung, đính chính trong trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót[12]

1. Trường hợp cung cấp thông tin bổ sung, đính chính cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Lý lịch tư pháp hoặc theo yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thì Sở Tư pháp có nhiệm vụ bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp bằng văn bản cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

2. Văn bản về việc bổ sung, đính chính thông tin của Sở Tư pháp bao gồm những nội dung sau: mã số Lý lịch tư pháp; họ và tên, ngày tháng năm sinh của người có Lý lịch tư pháp; nội dung bổ sung, đính chính thông tin.

Trường hợp bổ sung, đính chính các thông tin bao gồm: mã số Lý lịch tư pháp, họ và tên của người có Lý lịch tư pháp, thông tin của toàn bộ bản án, quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật trong Lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp gửi văn bản kèm theo bản Lý lịch tư pháp đã được bổ sung, đính chính những thông tin đó.

Trường hợp bổ sung, đính chính một trong các thông tin khác về nhân thân, thông tin của bản án, quyết định, giấy chứng nhận được cập nhật trong Lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp chỉ gửi văn bản bổ sung, đính chính thông tin trong đó ghi rõ nội dung được bổ sung, đính chính.

Trường hợp bổ sung, đính chính thông tin của nhiều người, Sở Tư pháp gửi văn bản kèm theo danh sách Lý lịch tư pháp được bổ sung, đính chính thông tin.

---

[12] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

3. Trong trường hợp cần bổ sung, đính chính thông tin đã gửi cho Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi văn bản thông báo về việc bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp kèm theo các văn bản khác có liên quan.

Trường hợp bổ sung, đính chính thông tin của nhiều người, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi văn bản kèm theo danh sách được bổ sung, đính chính thông tin

Điều 14. Ghi Phiếu lý lịch tư pháp

1. Cách ghi mục Tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 1:

a) Đối với người không bị kết án, người đã bị kết án nhưng được xóa án tích, người được đại xá thì ghi "Không có án tích"; trường hợp người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì ghi "Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam". Các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

b)[13] Đối với người đã bị kết án mà chưa đủ điều kiện được xóa án tích thì ghi "Có án tích" và ghi rõ nội dung bản án vào các ô, cột trong Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích và án tích đó được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì cập nhật án tích đó vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1, cụ thể như sau:

Nội dung cập nhật vào cột "số bản án, ngày tháng năm, Tòa án đã tuyên" được cập nhật theo thông tin của bản án hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật thông tin về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung trong bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm sửa các nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung đã được sửa theo bản án phúc thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm chỉ sửa một trong các nội dung về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung của bản án hình sự sơ thẩm thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cập nhật nội dung đã sửa theo bản án hình sự phúc thẩm và nội dung được giữ nguyên của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp.

---

[13] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

2. Cách ghi mục Tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 2:

a) Đối với người không bị kết án thì ghi là "Không có án tích"; trường hợp người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì ghi "Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam". Các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

b)[14] Đối với người đã bị kết án thì chỉ ghi nội dung án tích vào các ô, mục tương ứng trong Phiếu lý lịch tư pháp và ghi đầy đủ án tích đã được xóa, thời điểm được xóa án tích, án tích chưa được xóa.

Án tích nào không có các nội dung tại các mục Hình phạt bổ sung, Nghĩa vụ dân sự, án phí thì ghi dấu "//" vào các mục đó.

Trường hợp người bị kết án có nhiều án tích thì thông tin về án tích của người đó được ghi theo thứ tự thời gian bị kết án.

Trường hợp người bị kết án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì án tích đó được cập nhật vào Phiếu lý lịch tư pháp số 2, cụ thể như sau:

Nội dung cập nhật vào mục "Bản án số... ngày... tháng... năm... của Tòa án..." được cập nhật theo thông tin của bản án hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú là "giữ nguyên bản án sơ thẩm số... ngày... tháng... năm của Tòa án..." .

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm sửa các nội dung về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, án phí của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung đã được sửa theo bản án phúc thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú là "sửa bản án sơ thẩm số... ngày... tháng... năm của Tòa án...".

Trường hợp bản án hình sự phúc thẩm chỉ sửa một trong các nội dung về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, án phí của bản án hình sự sơ thẩm thì cập nhật nội dung đã được sửa theo bản án hình sự phúc thẩm và nội dung được giữ nguyên của bản án hình sự sơ thẩm vào Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật vào mục ghi chú những nội dung nào được sửa theo bản án hình sự phúc thẩm;

---

[14] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

c)[15] Nội dung về "Tình trạng thi hành án" ghi theo nội dung được cập nhật trong Lý lịch tư pháp của người đó tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ví dụ: Tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, trong Lý lịch tư pháp của Nguyễn Văn A được cập nhật đến mục "Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù" thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của Nguyễn Văn A trong mục "Tình trạng thi hành án" ghi là: Hoãn chấp hành án phạt tù theo Quyết định số..., ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân....

Trường hợp người bị kết án đã được xóa án tích thì mục "Tình trạng thi hành án" ghi rõ: "Đã chấp hành xong bản án

d) Cách ghi mục "Xóa án tích": Đối với những án tích đã được xóa thì ghi là "Đã được xóa án tích ngày... tháng... năm". Đối với những án tích chưa được xóa thì ghi là "Chưa được xóa án tích".

3. Cách ghi mục "Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã":

a) Đối với người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi "Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã", các ô, cột trong mục này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp;

b) Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 không yêu cầu xác nhận nội dung về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì mục "Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã" không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

4. Trường hợp thông tin về nơi cư trú, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng trong Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ thì ghi kí hiệu "//" vào mục những thông tin còn thiếu.

Điều 15. Thẩm quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp[16]

Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền có thẩm quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp.

---

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

[16] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Điều 16. Sử dụng và bảo vệ sổ lý lịch tư pháp[17]

1. Các thông tin trong sổ lý lịch tư pháp phải được cập nhật liên tục, không bỏ trống. Số thứ tự trong sổ phải liên tục đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm, bắt đầu từ số 01.

2. Việc cập nhật, lưu trữ và bảo vệ sổ lý lịch tư pháp dưới dạng điện tử được thực hiện như sau:

a) Số thứ tự trong sổ lý lịch tư pháp dưới dạng điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp lưu trữ, bảo vệ đối với sổ lý lịch tư pháp dưới dạng điện tử theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Mục 3 Chương II Thông tư số 06/2013/TT-BTP.

3. Việc ghi chép, lưu trữ và bảo vệ sổ lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy được thực hiện như sau:

a) Sổ lý lịch tư pháp phải viết liên tục từng trang, không bỏ trống. Trường hợp chưa hết năm mà đã viết đến trang cuối cùng của sổ thì sử dụng sang sổ khác, lấy số thứ tự tiếp theo từ sổ trước; trường hợp đã hết năm mà sổ chưa sử dụng hết thì tiếp tục sử dụng cho năm sau, lấy số thứ tự bắt đầu từ số 01. Số thứ tự đầu tiên của năm sử dụng sổ phải ghi rõ 01/năm sử dụng sổ;

Ví dụ: Số thứ tự đầu tiên trong năm 2013 là 01/2013.

b) Ngoài bìa sổ, quyển số là số thứ tự của quyển sổ đó trong năm, ghi rõ ngày tháng năm mở sổ và khóa sổ.

Ví dụ 1: Trong năm 2013 chỉ ghi hết 01 quyển sổ, thì ngoài bìa sổ ghi rõ:

- Quyển số: 01/2013;

- Mở sổ: ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Khóa sổ: ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ví dụ 2: Mở sổ năm 2013 nhưng hết năm chưa sử dụng hết sổ thì tiếp tục sử dụng cho năm 2014, đến ngày 01 tháng 3 năm 2014 sử dụng hết sổ thì ngoài bìa sổ ghi rõ:

- Quyển số: 01/2013, 01/2014;

---

[17] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

- Mở sổ: ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Khóa sổ: ngày 01 tháng 3 năm 2014.

c) Sổ lý lịch tư pháp phải được đóng dấu giáp lai giữa các trang. Khi sử dụng hết sổ lý lịch tư pháp thì thực hiện việc khóa sổ. Khi khóa sổ lý lịch tư pháp thì phải ghi rõ vào trang cuối tổng số trang và tổng số trường hợp đã được ghi trong sổ. Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ký xác nhận và được đóng dấu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

d) Bìa sổ phải sử dụng loại giấy bìa cứng, chất lượng giấy tốt. Sổ lý lịch tư pháp phải được lưu trữ, bảo quản để sử dụng lâu dài, phục vụ cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp;

đ) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp bảo vệ phòng, chống côn trùng, nấm mốc, khử a xít và các tác nhân khác gây hư hỏng sổ lý lịch tư pháp.

4. Thông tin về thay đổi, cải chính hộ tịch, giấy chứng tử được ghi vào sổ tiếp nhận riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 06/2013/TT-BTP bao gồm những nội dung sau: số thứ tự, ngày tiếp nhận, cơ quan cung cấp, số ký hiệu văn bản, họ và tên, loại thông tin và người tiếp nhận.

Điều 17. Quy định chung về ghi chép, sửa chữa, đính chính thông tin trong biểu mẫu, sổ lý lịch tư pháp

1. Nội dung ghi trong các biểu mẫu và sổ lý lịch tư pháp phải chính xác, rõ ràng, viết cùng một loại mực, màu đen, không tẩy xóa.

2. Trường hợp có sai sót khi ghi chép hoặc in ấn nội dung trong Phiếu lý lịch tư pháp thì hủy bỏ và ghi lại hoặc in ấn lại Phiếu lý lịch tư pháp đó.

3. Trường hợp sửa chữa, đính chính nội dung trong Lý lịch tư pháp phải được sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền. Sau khi được phê duyệt, cán bộ được giao nhiệm vụ cập nhật, xử lý thông tin tiến hành gạch bỏ phần sai sót, ghi rõ nội dung đã sửa chữa, đính chính, ký và ghi rõ họ tên người sửa chữa, đính chính vào cột "người cập nhật".

Trường hợp có sai sót về nội dung trong sổ lý lịch tư pháp thì phải gạch bỏ phần sai sót, ghi rõ nội dung đã sửa chữa vào phần ghi chú, ký, ghi rõ họ tên người đã sửa chữa và có xác nhận của người phụ trách bộ phận đó.

4. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung thông tin đã ghi trong biểu mẫu và sổ lý lịch tư pháp.

Điều 18. Hiệu lực thi hành[18]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2011.

2. Bãi bỏ mẫu Đơn yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và mẫu Phiếu lý lịch tư pháp ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT-BTP-BCA ngày 08/02/1999 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an quy định việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 8191/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2013
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Hồng Sơn

---

[18] Điều 3 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết."

Phụ lục số 01
BẢNG MÃ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP[19]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

1. Mã Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: 01TT.

2. Mã Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền lập của Sở Tư pháp:

Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp	Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp
02AG	An Giang	20ĐN	Đồng Nai
03BR	Bà Rịa - Vũng Tàu	21ĐT	Đồng Tháp
04BL	Bạc Liêu	22GL	Gia Lai
05BC	Bắc Kạn	23HG	Hà Giang
06BG	Bắc Giang	24HN	Hà Nam
07BN	Bắc Ninh	25HN	Hà Nội
08BT	Bến Tre	26HT	Hà Tĩnh
09BD	Bình Dương	27HD	Hải Dương
10BĐ	Bình Định	28HP	Hải Phòng
11BP	Bình Phước	29HG	Hậu Giang
12BT	Bình Thuận	30HB	Hòa Bình
13CM	Cà Mau	31HM	TP. Hồ Chí Minh
14CB	Cao Bằng	32HY	Hưng Yên
15CT	Cần Thơ	33KH	Khánh Hòa
16ĐN	Đà Nẵng	34KG	Kiên Giang
17ĐL	Đắk Lắk	35KT	Kon Tum
18ĐN	Đắk Nông	36LC	Lai Châu
19ĐB	Điện Biên	37LĐ	Lâm Đồng

Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp	Mã LLTP	Tên Sở Tư pháp
38LS	Lạng Sơn	52ST	Sóc Trăng
39LC	Lào Cai	53SL	Sơn La
40LA	Long An	54TN	Tây Ninh
41NĐ	Nam Định	55TB	Thái Bình
42NA	Nghệ An	56TN	Thái Nguyên
43NB	Ninh Bình	57TH	Thanh Hóa
44NT	Ninh Thuận	58TH	Thừa Thiên - Huế
45PT	Phú Thọ	59TG	Tiền Giang
46PY	Phú Yên	60TV	Trà Vinh
47QB	Quảng Bình	61TQ	Tuyên Quang
48QN	Quảng Nam	62VL	Vĩnh Long
49QN	Quảng Ngãi	63VP	Vĩnh Phúc
50QN	Quảng Ninh	64YB	Yên Bái
51QT	Quảng Trị		

[19] Bảng mã này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Phụ lục số 02

DANH MỤC BIỂU MẪU VÀ MẪU SỔ LÝ LỊCH TƯ PHÁP[20]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

1. Danh mục biểu mẫu lý lịch tư pháp

STT	Ký hiệu	Tên biểu mẫu
1	01/2013/TT - LLTP	Lý lịch tư pháp
2	02/2013/TT - LLTP	Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung
3	03/2013/TT - LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp
4	04/2013/TT - LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cha mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2
5	05a/2013/TT - LLTP	Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội
6	05b/2013/TT - LLTP	Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng
7	06/2013/TT - LLTP	Phiếu lý lịch tư pháp số 1
8	07/2013/TT - LLTP	Phiếu lý lịch tư pháp số 2

2. Danh mục mẫu sổ lý lịch tư pháp

STT	Ký hiệu	Tên mẫu sổ
1	08/2013/TT - LLTP	Sổ tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp
2	09/2013/TT - LLTP	Sổ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp
3	10/2013/TT - LLTP	Sổ cấp Phiếu lý lịch tư pháp
4	11/2013/TT - LLTP	Sổ lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp

[20] Danh mục biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Mẫu số 01/2013/TT-LLTP

....[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TƯ PHÁP[21]

Mã số[2]:	

I. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN [3]

Họ và tên[4]		
Tên gọi khác (nếu có)		
Giới tính		
Ngày tháng năm sinh		
Nơi sinh [5]		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú[6]		
Nơi tạm trú[7]		
Giấy CMND/Hộ chiếu	.....[8]Số..... cấp tại..... ngày..... tháng..... năm...	
Số định danh cá nhân		
Họ và tên cha		Ngày/tháng/năm sinh:
Họ và tên mẹ		Ngày/tháng/năm sinh:
Họ tên vợ (hoặc chồng)		Ngày/tháng/năm sinh:
Ghi chú[9]		

[21] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ÁN TÍCH[10]

STT	Mã số bản án [11]	Ngày cập nhật	Người cập nhật	Thời điểm chấp hành xong bản án	Thời điểm được xóa án tích	Kết quả Giám đốc thẩm/Tái thẩm (nếu có)	Ghi chú

III. THÔNG TIN VỀ ÁN TÍCH

NỘI DUNG BẢN ÁN			
MÃ SỐ BẢN ÁN:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số bản án			
Ngày tháng năm tuyên án			
Tòa án đã tuyên bản án			
Tội danh - Điều khoản của BLHS được áp dụng			
Hình phạt chính			
Hình phạt bổ sung (nếu có)			
Nghĩa vụ dân sự (nếu có)			
Biện pháp tư pháp (nếu có)			
Án phí			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính			
Ghi chú			

TÌNH TRẠNG THI HÀNH ÁN			
Quyết định thi hành bản án hình sự			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính			
Ghi chú			
Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn/phạt cải tạo không giam giữ			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày tháng năm được miễn			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày tháng năm được miễn			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được hoãn			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý			
Ghi chú			

Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Hình phạt được giảm thời hạn chấp hành			
Thời gian được giảm			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được rút ngắn			
Ngày tháng năm quyết định có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian tạm đình chỉ			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Cơ quan theo dõi, quản lý			
Ghi chú			
Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ/thời gian thử thách án treo			
Số giấy chứng nhận			
Ngày tháng năm cấp giấy chứng nhận			
Cơ quan chứng nhận			
Án phạt đã chấp hành xong			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành			

Ngày tháng năm chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			
Văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trục xuất			
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan thông báo			
Nội dung thông báo			
Ngày tháng năm thi hành xong án phạt			
Ghi chú			
Quyết định tiếp nhận chuyển giao			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao/Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ			
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan ra văn bản			
Nội dung văn bản			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định			
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan chứng nhận			
Nội dung chứng nhận			
Ngày tháng năm chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			

Quyết định ân giảm án tử hình			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Các khoản phải thi hành			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định đình chỉ thi hành án dân sự			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			

Giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự			
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan xác nhận			
Nội dung xác nhận (toàn bộ, một phần)			
Nghĩa vụ dân sự còn phải thi hành (nếu có)			
Ghi chú			
Văn bản xác nhận đã chấp hành xong án phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự			
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan ban hành			
Nội dung xác nhận			
Ngày tháng năm chấp hành xong			
Ghi chú			
Giấy chứng nhận đặc xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			
Đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định đặc xá số			
Được đặc xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành			
Ghi chú			
Giấy chứng nhận đại xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			

Được miễn trách nhiệm hình sự theo quyết định đại xá số			
Được đại xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Ghi chú			
Quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo khác			
Tên văn bản:.....			
Số giấy văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan ban hành văn bản			
Nội dung của văn bản			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			

GIÁM ĐỐC THẨM/TÁI THẨM			
Quyết định giám đốc thẩm			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ghi chú			
Quyết định tái thẩm			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ghi chú			

XÓA ÁN TÍCH			
Giấy chứng nhận xóa án tích			
Số chứng nhận			
Ngày tháng năm cấp giấy chứng nhận			
Tòa án cấp giấy chứng nhận			
Nội dung chứng nhận			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Quyết định xóa án tích			
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày tháng năm có hiệu lực			
Ghi chú			
Xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích			
Ngày tháng năm xác minh			
Nơi thực hiện việc xác minh			
Kết quả xác minh			
Ghi chú			

IV. THÔNG TIN VỀ CẤM ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, THÀNH LẬP, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

Số thứ tự thông tin:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			
Ghi chú			

Số thứ tự thông tin:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			

Số thứ tự thông tin:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			

Số thứ tự thông tin:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số quyết định			
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			

Ghi chú:

[1] Ghi rõ tên cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

[2] Mã số: mỗi Lý lịch tư pháp được lập có một mã số riêng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

[3] Đối với những thông tin chưa có hoặc chưa xác định rõ thì để trống.

[4] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[5] Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có).

[6, 7] Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi, trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì gạch chéo.

[8] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu

[9] Ghi chú những nội dung về thay đổi, cải chính hộ tịch (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, số quyết định.....), chứng tử; về việc thay đổi nơi cư trú.

[10] Là thông tin tóm tắt về các án tích được cập nhật trong Lý lịch tư pháp, số thứ tự theo thời gian nhận được trích lục bản án hoặc bản án, giúp cho cán bộ cập nhật có thể biết khái quát tình trạng án tích của người có Lý lịch tư pháp và tiện tra cứu.

[11] Được lập theo số thứ tự cập nhật của bản án ở phần Thông tin chung về án tích, bao gồm: Mã số Lý lịch tư pháp/Số thứ tự cập nhật.

Mẫu số 02/2013/TT-LLTP

ỦY BAN NHÂN DÂN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ TƯ PHÁP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng..... năm.....*

PHIẾU CUNG CẤP
THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP BỔ SUNG[22]

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp,

Sở Tư pháp..... cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung như sau:

Mã số Lý lịch tư pháp[1]:.....

Họ và tên[2] .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../ .....

Nơi thường trú:.....

Nơi tạm trú: .....

Họ tên cha: .....

Họ tên mẹ: .....

Nội dung bổ sung thông tin[3]:

1. Bổ sung thông tin lý lịch tư pháp đối với bản án tiếp theo như sau:

NỘI DUNG BẢN ÁN			
MÃ SỐ BẢN ÁN:.....		Ngày tháng năm cập nhật	Người cập nhật
Số bản án			
Ngày tháng năm tuyên án			
Tòa án đã tuyên bản án			
Tội danh - Điều khoản của BLHS được áp dụng			
Hình phạt chính			
Hình phạt bổ sung (nếu có)			

[22] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Nghĩa vụ dân sự (nếu có)			
Biện pháp tư pháp (nếu có)			
Án phí			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính			
Ghi chú			

2. Bổ sung thông tin lý lịch tư pháp đối với quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo của bản án số..... ***ngày***..... ***của Tòa án nhân dân***..... ***như sau[4]:***

Loại thông tin		**Ngày tháng năm cập nhật**	**Người cập nhật**
Số văn bản			
Ngày tháng năm ra văn bản			
Cơ quan ban hành văn bản			
Nội dung của văn bản			
Ghi chú			

3. Bổ sung thông tin lý lịch tư pháp đối với quyết định tuyên bố phá sản như sau:

Số quyết định		**Ngày tháng năm cập nhật**	**Người cập nhật**
Ngày tháng năm ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			
Ghi chú			

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....[5]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Ghi mã số Lý lịch tư pháp của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

[2] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[3] Chỉ cập nhật những nội dung bổ sung thông tin. Những nội dung không bổ sung thì không cập nhật trong Phiếu.

[4] Nội dung bổ sung ghi theo hướng dẫn tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

[5] Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

Mẫu số 03/2013/TT-LLTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP[23]

(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)

Kính gửi: .....

1. Tên tôi là[1]:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính: .....
4. Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....
5. Nơi sinh[2]: .....
6. Quốc tịch:..... 7. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú[3]: .....
.....
9. Nơi tạm trú[4]: .....
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu:.....[5] Số: .....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
11. Họ tên cha:..... Ngày/tháng/năm sinh .....
12. Họ tên mẹ:..... Ngày/tháng/năm sinh.....
13. Họ tên vợ/chồng..... Ngày/tháng/năm sinh.....
11. Số điện thoại/e-mail:.....

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc[6]

[23] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Phần khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có): .....

.....

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp[7]: **Số 1** ☐ **Số 2** ☐

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp **số 1**): Có ☐ Không ☐

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:..... Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình./.

....., ngày ..... tháng..... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

[1] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[1] Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[3, 4] Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

[5] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

[6] Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

[7] **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Mẫu số 04/2013/TT-LLTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP[24]

(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2)

Kính gửi:.....

1. Tên tôi là[1]:.....
2. Tên gọi khác (nếu có)..... 3. Giới tính:.....
4. Ngày, tháng, năm sinh:..../..../..... 5. Nơi sinh[2]:.....
6. Địa chỉ[3]:.....
..... Số điện thoại:.....
7. Giấy CMND/Hộ chiếu:.....[4] Số:.....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
8. Được sự ủy quyền:.....
8.1. Mối quan hệ với người ủy quyền[5]:.....
8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày [6]..... tháng..... năm.....

Tôi làm Tờ khai này đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây:

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

1. Họ và tên[7]:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh:..../..../.... 5. Nơi sinh[2] :.....
6. Quốc tịch:..... 7. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú[8]:.....
.....
9. Nơi tạm trú[9]:.....
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu:.....[10]Số:.....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
11. Số điện thoại/e-mail:.....

---

[24] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

PHẦN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC CHA, MẸ CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

	CHA	MẸ	VỢ/CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN[11]

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc[12]

Phần khai về án tích, về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có): ....

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có ☐ Không ☐

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:..... Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

[1] Họ và tên người được ủy quyền hoặc của cha/mẹ người chưa thành niên; ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[2] Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[3] Ghi rõ địa chỉ để liên lạc khi cần thiết.

[4] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

[5] Ghi rõ mối quan hệ trong trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền; trong trường hợp này không cần có văn bản ủy quyền.

[6] Ghi rõ trong trường hợp có văn bản ủy quyền.

[7] Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[8, 9] Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

[10] Trường hợp là người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải ghi nội dung này.

[11] Kê khai quá trình cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc từ khi từ 14 tuổi trở lên.

[12] Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP

(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 1 dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội)[25]

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:[1] .....

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009,.....
.....[2] đề nghị .....[1]cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:..... .....
2. Tên gọi khác (nếu có): ..... 3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh:..../ ...../..... 5. Nơi sinh : .....
6. Quốc tịch:.....7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú: .....
.....
9. Nơi tạm trú:.....
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... Số: .....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
11. Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có ☐ Không ☐
12. Mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp:.....
.....
13. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:..... Phiếu.

Nơi nhận:
- Như trên;
-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

[1] Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

[2] Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

[25] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm đ, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP

(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng)[26]

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi[1]: .....

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009, để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử,.....[2] đề nghị.....[1] cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:..... .....
2. Tên gọi khác (nếu có): .....3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh..../..../ ..... 5. Nơi sinh:.....
6. Quốc tịch:..... 7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú: .....

.....

9. Nơi tạm trú:.....

.....

10. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... Số: .....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....

11. Họ và tên vợ (hoặc chồng):.....
12. Họ và tên cha:.....
13. Họ và tên mẹ:.....

Nơi nhận:	.....
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
-	

_____

Ghi chú :

[1] Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

[2] Ghi rõ tên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

[26] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm e, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Mẫu số 06/2013/TT-LLTP

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....[1] **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... ..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1[27]

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp,

XÁC NHẬN:

1. Họ và tên[2]:..... 2. Giới tính.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 4. Nơi sinh[3]: .....
5. Quốc tịch:.....
6. Nơi thường trú[4]: .....
.....
7. Nơi tạm trú[5]: .....
8. Giấy CMND/Hộ chiếu:.....[6] Số: .....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
9. Tình trạng án tích:.....

STT	Số bản án; ngày tháng năm; tòa án đã tuyên	Tội danh	Hình phạt chính	Hình phạt bổ sung

[27] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm g, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trang.....

(Phiếu này gồm có..... trang)

10. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã[7]:.....

.....

SỐ QUYẾT ĐỊNH, NGÀY THÁNG NĂM, TÒA ÁN RA QUYẾT ĐỊNH	
CHỨC VỤ BỊ CẤM ĐẢM NHIỆM	
THỜI HẠN KHÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ	

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....[8]
(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

[1] Ghi rõ tên cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

[2] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[3] Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[4, 5] Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

[6] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

[7] Trường hợp cá nhân không có yêu cầu xác nhận thông tin cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì mục 10 không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

[8] Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp.

Mẫu số 07/2013/TT-LLTP

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....[1] **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... *....., ngày..... tháng..... năm...*

PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2[28]

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp,

XÁC NHẬN:

1. Họ và tên[2]..... 2. Giới tính:.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....4. Nơi sinh[3]:.....

5. Quốc tịch:.....

6. Nơi thường trú [4]:.....

7. Nơi tạm trú [5]:.....

8. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... [6] Số: .....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....

9. Họ và tên cha: .....

10. Họ và tên mẹ: .....

11. Họ và tên vợ/chồng:.....

---

[28] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trang……

(Phiếu này gồm có…… trang)

12. Tình trạng án tích[7]:.....

Bản án số...../ .....ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân...
Tội danh - Điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng:..... Hình phạt chính:..... Hình phạt bổ sung:..... Nghĩa vụ dân sự, án phí:..... Tình trạng thi hành án:.....
Xóa án tích[8]:.....
Ghi chú:.....

13. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

.....

Số quyết định, ngày tháng năm ra quyết định, Tòa án ra quyết định	
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm	
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã	

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....[9]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú

[1] Ghi rõ cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

[2] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[3] Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[4, 5] Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

[6] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

[7] Đối với người không bị kết án thì ghi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

Đối với người đã bị kết án thì ghi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

[8] Đối với những án tích đã được xóa thì ghi rõ: Đã được xóa án tích ngày.... tháng.... năm....

Đối với những án tích chưa được xóa thì ghi rõ: Chưa được xóa án tích.

[9] Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp.

Mẫu số 08/2013/TT-LLTP

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

SỔ
TIẾP NHẬN THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP[29]

Quyển số:.....
Mở sổ: ngày..... tháng..... năm.....
Khóa sổ: ngày.....tháng..... năm.....

[29] Mẫu sổ này được thay thế theo quy định tại điểm i, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

STT	Ngày tiếp nhận	Cơ quan cung cấp	Số ký hiệu văn bản	Họ và tên[1]	Loại thông tin	Người tiếp nhận	Ghi chú

Trang……

[1] Ghi rõ họ và tên của người có thông tin lý lịch tư pháp.

Mẫu số 09/2013/TT-LLTP

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

SỔ
CUNG CẤP THÔNG TIN
LÝ LỊCH TƯ PHÁP[30]

Quyển số: .....
Mở sổ: ngày.... tháng..... năm. .....
Khóa sổ: ngày..... tháng.... năm.....

[30] Mẫu sổ này được thay thế theo quy định tại điểm k, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

STT	Ngày cung cấp	Nơi nhận	Số ký hiệu văn bản	Họ và tên[1]	Loại thông tin	Người xử lý thông tin	Ghi chú

Trang.....

[1] Ghi rõ họ và tên của người có thông tin lý lịch tư pháp.

Mẫu số 10/2013/TT-LLTP

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

SỔ
CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP[31]

Quyển số:.....
Mở sổ: ngày..... tháng..... năm.....
Khóa sổ: ngày..... tháng..... năm.....

[31] Mẫu sổ này được thay thế theo quy định tại điểm l, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

STT	***Ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp***	***Họ và tên người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp***	***Đối tượng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp***				***Loại Phiếu lý lịch tư pháp***		***Số của Phiếu lý lịch tư pháp***	***Ngày trả Phiếu lý lịch tư pháp***	***Ký nhận Phiếu lý lịch tư pháp***
			Công dân VN	*Người nước ngoài*	*Cơ quan NN, tổ chức CT, tổ chức CT-XH*[1]	*Cơ quan tiến hành tố tụng*	*Số 1*	*Số 2*			

Trang.....

[1] Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

Mẫu số 11/2013/TT-LLTP

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

SỔ
LƯU TRỮ HỒ SƠ LÝ LỊCH TƯ PHÁP[32]

Quyển số:.....
Mở sổ: ngày ..... tháng..... năm.....
Khóa sổ: ngày..... tháng..... năm.....

[32] Biểu mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm m, khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

STT	Ngày lập LLTP	Họ và tên	Mã số LLTP	Quốc tịch			Giới tính			Người lập hồ sơ LLTP	Ghi chú
				Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Không có thông tin	Nam	Nữ	Không có thông tin		

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng